

Số: /QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 15 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và báo cáo việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1585/TTr-VP ngày 15 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 29 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu năm 2023 (*Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nội dung Quyết định và Phụ lục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, địa chỉ www.baria-vungtau.gov.vn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (b/c);
- TTr. Tỉnh ủy (b/c);
- TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NC7.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Minh Thông

PHỤ LỤC

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NĂM 2023 CỦA ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương: 01 TTHC.

1. Thủ tục “Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương”.

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Căn cứ pháp lý: Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;
- Kiến nghị: Bỏ thành phần hồ sơ “01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp”.

Lý do:

Do giấy này có thể tra cứu trên hệ thống quản lý điều hành của Bộ Công Thương tại trang web: <https://sct.vcca.gov.vn/> nên Sở Công Thương kiến nghị bỏ nội dung này để đơn giản hóa TTHC, giảm tốn kém cho DN.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ bãi bỏ thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 “01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp”.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp.

II. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ: 01 TTHC.

1. Thủ tục “Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế”.

1.1 Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hoá thành phần hồ sơ, nộp và tiếp nhận hồ sơ trực tuyến.

Lý do: Đối với Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế được các tổ chức nộp và nhận hồ sơ trực

tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung cấp tỉnh. Qua tính toán, việc nộp hồ sơ trực tuyến và thực hiện số hoá thành phần hồ sơ sẽ giảm được 25,31% chi phí, chủ yếu do tổ chức, cá nhân không cần phải sao y chứng thực các hồ sơ đầu vào theo quy định của thủ tục.

2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điểm b, điểm d khoản 2 Điều 29 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế.

Lý do: Sửa đổi thẩm quyền đề phù hợp theo Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Đề nghị áp dụng hình thức nộp và nhận hồ sơ trực tuyến và đơn giản thành phần hồ sơ do số hoá, không phải sao y chứng.

3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 110.501.945 đồng

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 82.528.535 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 27.973.410 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,31%

III. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường: 12 TTHC.

1. Thủ tục: Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai) (Mã số TTHC: 1.004227).

1.1. Nội dung đề xuất sửa đổi, đơn giản hóa: Đề nghị bổ sung đủ thông tin Căn cước công dân trong mẫu Đơn đăng ký biến động để phục vụ tra cứu trên CSDL quốc gia về dân cư.

Lý do:

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc

nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì hiện nay việc xác định danh tính người nộp hồ sơ, chủ sử dụng đất và các cá nhân có liên quan trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính đều được khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không được yêu cầu người dân cung cấp trừ các trường hợp không thể khai thác.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung nội dung về căn cước công dân trong mẫu đơn Đăng ký biến động được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 10.731.218.212 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 8.440.742.215 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.290.475.997 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15.55%.

2. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai) (Mã số TTHC: 1.004199).

2.1. Nội dung đề xuất sửa đổi, đơn giản hóa: Bổ sung chi tiết quy định thực hiện đối với trường hợp cấp đổi cho người sử dụng đất nộp đơn lẻ để thực hiện thủ tục hành chính trong khu vực đo vẽ lại bản đồ.

Lý do:

- Thời gian thực hiện đối với các hồ sơ cấp đổi đơn lẻ (không thực hiện đồng loạt) nằm trong khu vực đo đạc lại bản đồ cần tiến hành các bước đo đạc xác minh, xác nhận của địa phương về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với các trường hợp mà hình thể, diện tích thay đổi so với Giấy chứng nhận đã cấp.

- Việc đo đạc phần diện tích tăng, hình thể thay đổi tại thực địa có tứ cận giáp ranh các chủ sử dụng đất khác cần có sự chỉ ranh, thống nhất giữa hai bên nhưng do tình hình thực tế tại địa phương đa số là người từ địa phương khác.

- Thời gian thực hiện việc đo đạc tại thực địa phụ thuộc vào người dân nên cơ quan giải quyết TTHC không thể chủ động thực hiện được.

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung nội dung quy định cụ thể về quy trình, thời gian giải quyết thủ tục cấp đổi đối với trường hợp người sử dụng đất nộp đơn lẻ để thực hiện thủ tục hành chính trong khu vực đo vẽ lại bản đồ được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 61 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Điều 12 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 336.938.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 265.469.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 71.469.250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21.21%.

3. Thủ tục: Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai) (Mã số TTHC: 1.001134).

3.1. Nội dung đề xuất sửa đổi, đơn giản hóa: Bổ sung chi tiết đối với trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu chuyển **một phần** diện tích từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Lý do:

- Pháp luật chưa có quy định cụ thể hướng dẫn về trường hợp có thể chuyển **một nửa phần đất** được Nhà nước giao từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần còn **phần đất còn lại** vẫn trả tiền thuê đất hàng năm và sau khi có đủ tiền chuyển sang hình thức trả tiền một lần mới tiếp tục chuyển phần còn lại.

- Pháp luật không quy định trường hợp này là không được phép.

- Không có quy định cụ thể đối với trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu chuyển hình thức một phần diện tích dẫn đến bất cập trong quá trình tham mưu UBND tỉnh ra Quyết định chuyển hình thức trả tiền thuê đất cho doanh nghiệp đối với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp do phải có văn bản xin ý kiến của Bộ, ngành có liên quan.

3.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Chính phủ bổ sung chi tiết nội dung thực hiện đối được quy định được quy định tại Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 3,877,805 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 3,542,050 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.290.475.997 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,65%.

4. Thủ tục: Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo (Mã số TTHC: 1.004217).

4.1. Nội dung đề xuất sửa đổi, đơn giản hóa: Bổ sung thời gian để Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định gia hạn sử dụng đất (*theo quy định tại Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất không quá 15 ngày làm việc*) trước khi Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục “Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo (Mã số TTHC: 1.004217)” có thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc.

Lý do:

Theo quy định tại điểm 48 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi khoản 1, 2 Điều 74a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định nhu cầu sử dụng đất, trình UBND tỉnh ban hành quyết định gia hạn sử dụng đất (đối với trường hợp đủ điều kiện) hoặc cơ quan tài nguyên và Môi trường thông báo cho người sử dụng đất và làm thủ tục thu hồi đất (đối với trường hợp không đủ điều kiện gia hạn sử dụng đất).

Thời gian này phải được tính riêng đối với thủ tục *thẩm định nhu cầu sử dụng đất là không quá 15 ngày làm việc* và không tính vào thời gian thực hiện tại thủ tục “Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo”.

4.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị xem xét, bổ sung quy định thời gian thực hiện thủ tục “thẩm định nhu cầu sử dụng đất” tại điểm 48 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 đối với thời gian thực hiện thủ tục gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo và sửa đổi bổ sung vào bộ thủ tục chuẩn hóa tại

Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/04/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo thời gian trong quá trình tham mưu giải quyết theo quy định.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 1.049.988 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa (của cơ quan giải quyết hồ sơ): 867.420 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 182.568 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17.39 %.

5. Nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai (07 thủ tục hành chính)

- Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Mã số TTHC: 1.004238);

- Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai) (Mã số TTHC: 1.004227);

- Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (Mã số TTHC: 1.004221);

- Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (Mã số TTHC: 1.001990);

- Tách thửa hoặc hợp thửa đất (Mã số TTHC: 1.004203);

- Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (đã thành lập) (Mã số TTHC: 1.002993);

- Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân

đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai) (Mã số TTHC: 2.000880).

5.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa: Đề xuất sửa đổi loại bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ là “Sổ hộ khẩu” trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do:

Căn cứ Luật Cư trú năm 2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

5.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ là “Sổ hộ khẩu” của nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai đã được công bố tại Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/04/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Thủ tục: Giao khu vực biển cấp huyện (Mã số TTHC: 1.009483).

6.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: “Sổ hộ khẩu” trong việc thực hiện thủ tục hành chính “Giao khu vực biển cấp huyện”.

Lý do:

Căn cứ Luật Cư trú năm 2020; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ là “Sổ hộ khẩu” của thủ tục hành chính “Giao khu vực biển cấp huyện” đã được công bố tại Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Du lịch: 01 TTHC.

1. Thủ tục “Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm”

1.1. Nội dung đề nghị đơn giản hóa

Đề nghị chỉ nộp 01 ảnh 3x4 để lưu (thay vì nộp 02 ảnh), trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trên hệ thống Cổng dịch vụ công thì không cần nộp hình (chỉ sử dụng file ảnh).

Lý do: Căn cứ Điều 60 Luật Du lịch quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; Mục 4, Phần II, **Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch** về nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, trong đó quy định về thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm phải có 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm. Việc này gây lãng phí và tốn kém cho người dân.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề đơn giản đề nghị UBND tỉnh kiến nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch là quy định thành phần hồ sơ cần nộp là 01 ảnh chân dung 3x4 để lưu (thay vì nộp 02 ảnh) nhằm giảm bớt thủ tục và chi phí của người dân.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.173.000 đ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.075.000 đ.
- Chi phí tiết kiệm: 98.000 đ.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,2%.

V. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo: 01 TTHC.

1. Thủ tục “Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục”, Mã số TTHC: 1.005049”

1.1 Nội dung đề nghị đơn giản hóa

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ *“Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập trung tâm do người có thẩm quyền cấp”*;

Thành phần hồ sơ trên quy định trong thủ tục hành chính **“Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục”**, được quy định tại điểm b, mục 2, Điều 48, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Tại Phụ lục I, phần B, Mục V, điểm 8 (8.3.1;b) của Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng

6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Lý do đơn giản hóa

Thành phần hồ sơ này là kết quả của một TTHC khác (TTHC: Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học, Mã số TTHC: 1.005053.000.00.00.H06). Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan ban hành quyết định thành lập thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học. Do đó không thể yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học.

1.3. Kiến nghị thực thi

Thành phần hồ sơ đơn giản hơn. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Phụ lục I, phần B, Mục V, điểm 8 (8.3.1;b) của Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ GDĐT là bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập trung tâm do người có thẩm quyền cấp”.

1.4. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.130.637 đ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 21.050.637 đ.
- Chi phí tiết kiệm: 1.080.000 đ.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

VI. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: 01 TTHC.

1. Thủ tục “Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công”

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu sửa đổi (điểm a, b, Khoản 3, Điều 130, Chương V của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ): Đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, thân nhân của người có công đã từ trần: căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc sổ hộ khẩu đã được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 của người được đề nghị đính chính thông tin. Bãi bỏ dòng: hoặc sổ hộ khẩu đã được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chỉ cần căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân (không cần sổ hộ khẩu đã được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2021).

Lý do:

Chỉ cần căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân (không cần sổ hộ khẩu đã được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2021), tránh gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu sửa đổi (điểm a, b, Khoản 3, Điều 130, Chương V của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ): Đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, thân nhân của người có công đã từ trần: căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc sổ hộ khẩu đã được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 của người được đề nghị đính chính thông tin. Bãi bỏ dòng: hoặc sổ hộ khẩu đã được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chỉ cần căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân (không cần sổ hộ khẩu đã được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2021).

1.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

VII. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao: 02 TTHC.

1. Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo từ 15 ngày xuống còn 10 ngày, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 Luật Quảng cáo năm 2012.

Lý do đơn giản hóa:

Qua giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trong thời gian qua cho thấy quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính như trên là khá dài, mặc dù thủ tục này không quy định việc liên thông trong giải quyết cũng như việc phải thẩm định điều kiện thực tế trước khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết nhanh chóng thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, Sở Văn hóa và Thể thao kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết đối với thủ tục nêu trên xuống còn 10 ngày. Mặt khác, hiện nay thủ tục này chưa có mẫu văn bản thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo cũng như quy định đầy đủ thành phần hồ sơ kèm theo, do đó Sở kiến nghị cần có mẫu thông báo cụ thể về nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo, số lượng người tham gia đoàn người thực hiện quảng cáo, thời gian và lộ trình thực hiện, cũng như cần quy định rõ thành phần hồ sơ

kèm theo văn bản thông báo như: ma-két sản phẩm quảng cáo, văn bản chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật Quảng cáo năm 2012.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính góp phần giảm thời gian chờ kết quả của người dân, doanh nghiệp, từ đó giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Việc mẫu hóa thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo và quy định cụ thể thành phần hồ sơ nhằm đảm bảo thủ tục hành chính được dễ hiểu, dễ thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thẩm định hồ sơ được thực hiện chặt chẽ theo quy định.

2. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Kiến nghị tách thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn (được quy định tại Điều 29 Luật Quảng cáo năm 2012) thành 02 thủ tục riêng biệt:

- + Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo.
- + Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên băng-rôn.

Lý do đơn giản hóa:

Theo quy định tại Điều 29 Luật Quảng cáo năm 2012, thành phần hồ sơ thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn gồm 08 loại văn bản, giấy tờ như sau:

(1) Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn;

(2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo;

(3) Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật này;

(4) Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội;

(5) Ma-két sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng

cáo; (6) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với bảng-rôn;

(7) Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo;

(8) Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại bảng quảng cáo phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật này.

Trường hợp người thực hiện thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo sẽ chuẩn bị thành phần hồ sơ như đã nêu trên. Tuy nhiên, đối với trường hợp người thực hiện thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng-rôn sẽ không cần có một số văn bản, giấy tờ như: (6) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; (7) Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo; (8) Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo. Điều này sẽ gây khó hiểu và nhầm lẫn cho người thực hiện thủ tục hành chính, do đó cần thiết phải tách thủ tục nêu trên thành 02 thủ tục riêng biệt áp dụng đối với bảng quảng cáo và đối với bảng - rôn.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Nhằm đảm bảo thủ tục hành chính được đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu và dễ thực hiện, đề nghị tách thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn (được quy định tại Điều 29 Luật Quảng cáo) thành 02 thủ tục riêng biệt gồm:

+ Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, có thành phần hồ sơ gồm 08 văn bản, giấy tờ như đã nêu.

+ Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng-rôn, có thành phần hồ sơ được đơn giản hóa gồm:

(1) Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo;

(2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

(3) Bản sao giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật Quảng cáo;

(4) Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội;

(5) Ma-két sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo;

(6) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Việc cắt giảm thành phần hồ sơ giúp giảm chi phí hồ sơ, giấy tờ và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Việc tách thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn thành 02 thủ tục hành chính riêng biệt nhằm đảm bảo thủ tục hành chính được đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, góp phần giảm chi phí tuân thủ tục hành chính.

XIII. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02 TTHC.

1. Tên thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y”

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”.

Lý do đề xuất:

Nhằm giảm bớt hồ sơ giấy, đối tượng thực hiện TTHC chỉ cần cung cấp mã số đăng ký doanh nghiệp để công chức tiếp nhận tra cứu các thông tin cần thiết trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc trên cơ sở dữ liệu thông tin thủ tục hành chính được chia sẻ của cơ quan cấp giấy chứng nhận.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị bãi bỏ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 97 Luật Thú y.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ, giúp giảm chi phí hồ sơ, giấy tờ và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 114.395.671 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 76.838.867 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 37.556.804 đồng/năm.

2. Tên thủ tục “Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)”

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị cắt giảm thời gian quyết từ 15 ngày xuống còn 13 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do đề xuất:

Trên thực tế thực hiện, giải quyết TTHC nêu trên hiện nay có thể rút ngắn 02 ngày (tại bước thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế tại cơ sở của cơ quan có thẩm quyền), cụ thể từ 15 ngày giảm xuống còn 13 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Việc cắt giảm giải quyết TTHC tại bước thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế của cơ quan có thẩm quyền sẽ giảm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân; tăng cường trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết TTHC. Qua đó, góp phần nâng cao chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC tại cơ quan hành chính nhà nước.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi thời gian giải quyết quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 32/2022/TT-BNNPNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và điểm b khoản 2 Điều 36 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Cắt giảm 13,3% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định hiện hành.

- Giảm bớt thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước. Nâng cao chất lượng và tăng cường trách nhiệm của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

IX. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế: 02 TTHC

1. Thủ tục đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính trên.

Lý do:

- Căn cứ pháp lý: Theo Điều 5 Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế, quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc:

“Hồ sơ làm căn cứ để đánh giá đáp ứng GPP đối với cơ sở bán lẻ thuốc là hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (được nộp khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, cơ sở bán lẻ thuốc không phải nộp thêm hồ sơ này) thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật dược và Điều 32 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược”

Như vậy, khi cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thì cơ quan quản lý phải đánh giá đáp ứng thực hành tốt của cơ sở, nếu đạt yêu cầu thì cấp đồng thời Giấy chứng nhận đạt thực hành tốt cho cơ sở (có thời hạn 03 năm) cùng với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (không có thời hạn).

Do đó, thủ tục hành chính “Đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc” không còn mà thay vào đó được lồng ghép trong thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược nhưng hiện nay lại đang được quy định thành 02 thủ tục độc lập trong Luật Dược.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Dược.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ quy định phải có Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đưa vào yêu cầu điều kiện có Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm tại cơ sở).

Lý do:

Việc bãi bỏ thành phần này trong hồ sơ sẽ tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp và cơ quan quản lý có thẩm quyền vẫn kiểm tra việc chấp hành quy định về sức khỏe trên thực tế tại cơ sở và vẫn tuân thủ nguyên tắc quản lý an toàn thực phẩm tại điều 3 Luật an toàn thực phẩm.

Trong thời gian tới, có thể sử dụng Giấy xác nhận đủ sức khỏe của các cá nhân được tích hợp, chia sẻ từ dữ liệu dân cư theo Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm d khoản 1 điều 36 Luật an toàn thực phẩm.

Lộ trình thực hiện: khi được tích hợp, chia sẻ từ dữ liệu dân cư theo Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 687.575.812 đ.

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 618.275.812 đ.

Chi phí tiết kiệm: 69.300.000 đ.

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

X. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp: 02 TTHC**1. Thủ tục “Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư”****1.1. Nội dung đơn giản hóa**

Qua rà soát, nhận thấy đối với các nội dung khi có sự thay đổi không quy định thành phần hồ sơ chứng minh kèm theo nội dung cần thay đổi là không phù hợp với quy định.

Lý do:

Để có cơ sở cấp thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động theo yêu cầu của tổ chức hành nghề luật sư thì tổ chức hành nghề luật sư phải cung cấp giấy tờ chứng minh cho việc đề nghị thay đổi đó, tuy nhiên thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính này không quy định cụ thể các loại giấy tờ chứng minh cho sự thay đổi đó (*chỉ quy*

định trong mẫu tờ khai TP-LS-06), do đó cơ quan quản lý không thể yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư cung cấp ngoài các giấy tờ đã quy định trong thành phần hồ sơ.

Đề nghị cần có sự điều chỉnh cho phù hợp đối với thủ tục ***“Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư”***.

1.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 300.176 đồng.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 300.176 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

2. Thủ tục “Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh”

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Qua rà soát, nhận thấy thủ tục này không phù hợp.

Lý do:

Nội dung thay đổi này đã được quy định tại thủ tục “Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư”. Do đó, việc quy định cùng 01 nội dung thay đổi ở 02 thủ tục hành chính khác nhau dẫn đến sự phức tạp cho cơ quan quản lý và tổ chức hành nghề luật sư.

Kiến nghị bãi bỏ thủ tục ***“Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh”***.

2.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 392.996 đồng.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 392.996 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

XI. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng: 03 TTHC

1. 03 TTHC thuộc lĩnh vực Nhà ở và công sở: ***“Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số***

99/2015/NĐ-CP” (Mã TTHC: 1.010005); “Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP” (Mã TTHC: 1.010006); “Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP” (Mã TTHC: 1.010007)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Kể từ ngày 15/10/2020, UBND tỉnh chính thức đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công vào hoạt động, theo đó, UBND tỉnh đã quy định đầu mối tư vấn, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;

Theo đó, qua rà soát quy trình thực hiện các TTHC nêu trên tại Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng đề xuất phương án bãi bỏ trường hợp nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý và vận hành nhà ở (05 ngày);

Sau khi bãi bỏ trường hợp nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý và vận hành nhà ở, thì tổng thời gian giải quyết TTHC sẽ được rút ngắn và giảm đi 05 ngày từ 45 ngày xuống còn 40 ngày.

1.2. Đề xuất

Bổ sung trình tự, thủ tục giải quyết quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở như sau:

“ ...

2. Trình tự, thủ tục giải quyết được thực hiện như sau:

...

Trường hợp cơ quan tiếp nhận là đơn vị quản lý vận hành nhà ở thì trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở có trách nhiệm kiểm tra và phải lập danh sách kèm theo hồ sơ để báo cáo Sở Xây dựng;

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đầu mối tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh thì nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và không tính thời gian nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý và vận hành nhà ở vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính;

...”

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính có thể nhận kết quả giải quyết sớm hơn so với quy định hiện hành là 05 ngày; đồng thời, có thể giảm các chi phí liên quan đến việc chuyển giao hồ sơ từ đơn vị quản lý và vận hành nhà ở đến Sở Xây dựng.

XII. Lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp: 01 TTHC

1. Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ *“Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng (đối với giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày)”* trong thủ tục hành chính **“Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam”** được quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc tại Việt Nam.

Lý do:

Giao quyền tự chủ cho doanh nghiệp, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho Doanh nghiệp trong việc tuyển người lao động nước ngoài vào làm việc. Việc cấp lại GPLĐ là người lao động hiện đã và đang làm việc tại Doanh nghiệp và Doanh nghiệp thực hiện việc giám sát, theo dõi và chịu trách nhiệm về sức khỏe của người lao động trong quá trình làm việc.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Chính phủ sửa đổi Nghị định số 152/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc tại Việt Nam là bỏ thành phần hồ sơ *“Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng (đối với giấy phép lao động còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày)”* trong thủ tục hành chính **“Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam”**.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: **679.811.000 đồng.**

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: **217.503.000 đồng.**

- Chi phí tiết kiệm: **462.308.000 đồng.**
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **68%.**